

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:169/2023/HSST

Ngày: 29/8/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang S; bà Ngô Thùy P.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim P - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 172/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXXST-HS ngày 16/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1997; HKTT: Khu C, phường V, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Bố đẻ: Nguyễn Văn H, sinh năm 1972, mẹ đẻ: Phạm Thị T, sinh năm 1973; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Bản án số 37/HSPT ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 40 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1, Điều 173 BLHS. Bị cáo chưa chấp hành xong bản án.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 03/7/2021, bị Công an thành phố Bắc Ninh ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi vi phạm quy định về tham gia giao thông. Bị cáo nộp phạt ngày 02/8/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023 đến nay, có mặt ở điểm cầu trực tuyến tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

2. Nguyễn Quang T, sinh năm 1993; HKTT: Khu C, phường V, TP B, tỉnh B. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Bố đẻ: Nguyễn Quang L, sinh năm 1971; mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1993; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 31/10/2014, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1, Điều 104 BLHS năm 1999. Ngày 18/02/2015, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án và đình chỉ điều tra bị can đối với T (do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố) và ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi gây thương tích. Bị can chấp hành xong ngày 04/6/2015.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023 đến nay, có mặt ở điểm cầu trực tuyến tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Triệu tập tại điểm cầu trung tâm:

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: - Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991; HKTT: Khu C, phường V, TP B, tỉnh B, vắng mặt

* *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Ông Nguyễn Kim S, Cán bộ TAND thị xã Q, tỉnh B, có mặt.
2. Cán bộ phụ trách tin học thuộc Trại tạm giam công an tỉnh B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: M và T là bạn quen biết với nhau và đều sử dụng ma túy. Khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 01/6/2023, T đang ở nhà do có nhu cầu sử dụng ma túy nên đã sử dụng điện thoại gọi điện cho Nguyễn Văn M nhờ mua hộ 500.000đ ma túy. M đồng ý và bảo T đi xe mô tô đến nhà đón M. Một lúc sau, T điều khiển xe mô tô Honda Wave màu đen biển kiểm soát: 99L5-5695 đến đón M đi mua ma túy. Trên đường đi, M sử dụng điện thoại Nokia 1280 gọi điện thoại cho một người đàn ông không quen biết (M xin số điện thoại từ bạn ngoài xã hội) hỏi mua 500.000đ tiền ma túy đá. Người đàn ông đó hẹn gặp M tại khu vực ngã tư đèn xanh đèn đỏ phường P. Sau đó, T điều khiển xe chở Mạnh đến chỗ hẹn thì dừng lại. Tại đây, T đưa cho M 500.000đ. Khoảng 5 phút sau, một người đàn ông khoảng 30 tuổi đi đến chỗ M và T đang đỗ xe. Mạnh đưa cho người đàn ông số tiền 500.000đ, người đàn ông cầm tiền và đưa cho M một gói nilon màu trắng, biết đó là ma túy cần mua nên M cầm tại lòng bàn tay phải và bảo T đi về. Khi M và T quay xe đi về được khoảng 5m thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng: Thu tại lòng bàn tay phải của M một túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và ba viên nén hình tròn màu hồng. Mạnh khai nhận đây ma túy M vừa mua hộ Nguyễn Quang T với giá 500.000đ, dưới sự chứng kiến của Nguyễn Quang T, Nghiêm Văn H, sinh năm 1990 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 đều ở khu phố X, phường B, thị xã Q, tỉnh B. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Ngày 02/6/2023 Nguyễn Quang T đến cơ quan Công an thị xã Q đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số: 1158/KL- KTHS ngày 04/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: + Chất tinh thể màu trắng bên trong một túi nilon màu trắng có khối lượng là 0,2623 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine.

+ 3 viên nén hình tròn màu hồng bên trong một túi nilon màu trắng khối lượng là 0,2462 gam; Là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine.

Bản Cáo trạng số 137/CT-VKSQV ngày 07/8/2023 của Viện kiểm sát nhân

dân thị xã Q, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Quang T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Quang T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Văn M từ 15 đến 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chuyển 20 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 37 thành 20 tháng tù giam. Tổng hợp buộc bị cáo Mạnh chấp hành từ 35 đến 41 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 02/6/2023 nhưng được trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2021 đến ngày 02/3/2022 của Bản án số 37/2022/HSPT ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Quang T 15 đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/6/2023.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì đựng mẫu vật ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư có dấu đỏ, chữ ký của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B theo kết luận giám định số 1158 ngày 04/6/2023.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu vàng có số seri C38R4DYGGRX2 tình trạng đã qua sử dụng và cong màn hình thu giữ của Nguyễn Văn M và 01 điện thoại di động Readmi C12 màu đỏ có số seri QOEU8D7PCM tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Quang T. Bị cáo M, T đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen BKS 99L5-5695 đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là của chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991 (chị gái T) cho T mượn. Chị D không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy nên ngày 03/7/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị D quản lý, sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không tham gia tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên. Các bị cáo chỉ xin hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hồi 22 giờ 20 phút ngày 01/6/2023, tại khu phố G, phường P, thị xã Q tỉnh B, tổ công tác công an phường P bắt quả tang Nguyễn Văn M có hành vi tàng trữ trái phép 0,5085 gam Methamphetamine. Quá trình điều tra xác định số ma túy trên là do Nguyễn Quang T nhờ Nguyễn Văn M mua hộ với giá 500.000 đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân. Nguyễn Văn M biết T mua ma túy về để sử dụng nhưng vẫn đồng ý giúp T mua 0,5085 gam Methamphetamine. Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Quang T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là hoàn toàn chính xác, có căn cứ pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tội phạm xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sở hữu các chất ma túy; xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Ma túy còn là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác như trộm cắp tài sản, giết người, cướp tài sản... Sử dụng chất ma túy bằng hình thức tiêm chích còn là con đường lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS. Tệ nạn nghiện hút ma túy còn gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần xử lý nghiêm bị cáo bằng luật hình sự để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Trong vụ án này các bị cáo nhận thức, thấy được tác hại của ma túy. Song vì mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng của bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý cất giữ một lượng chất Methamphetamine để sử dụng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, coi thường pháp luật. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T đưa cho bị cáo Mạnh 500.000 đồng mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Bị cáo M biết T mua ma túy về sử dụng nhưng vẫn đồng ý giúp Thanh mua ma túy. Mạnh trực tiếp đi tìm nơi mua ma túy, trả tiền và nhận ma túy, hai bị cáo có vai trò ngang nhau.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của

mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS. Bị cáo T sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 BLHS.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 37/HSPT ngày 24/8/2022 của Toà án nhân dân tỉnh B xử phạt M 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 40 tháng về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 173 BLHS, bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách của bản án nên bị cáo Mạnh phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra theo quy định thì trong thời gian nếu bị cáo M phạm tội mới thì bản treo sẽ chuyển thành án giam theo khoản 5, Điều 65 Bộ luật hình sự

Bị cáo Nguyễn Quang T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, cân nhắc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời hạn nhất định mới có thể giúp các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội. Bị cáo Thanh có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp hơn bị cáo Mạnh.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là “*Phạt tiền*” theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 phong bì thư niêm phong dán kín chứa mẫu vật còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động 1280 màu đen mà Mạnh sử dụng để liên lạc với người đàn ông bán ma túy, quá trình bị bắt quả tang Mạnh đã làm rơi mất. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay chưa thu hồi được.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu vàng có số seri C38R4DYGGRX2 tình trạng đã qua sử dụng và cong màn hình thu giữ của Nguyễn Văn Mạnh và 01 điện thoại di động Readmi C12 màu đỏ có số seri QOEU8D7PCM tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Quang Thanh, các bị cáo sử dụng làm công cụ phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen BKS 99L5-5695 đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là của chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1991 (là chị gái T) cho T mượn. Chị D không biết T sử dụng xe để đi mua ma túy nên ngày 03/7/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị Dung quản lý, sử dụng và không yêu cầu gì.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho M, M không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu. Cơ quan CSĐT Công an thị xã Q tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định

của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Quang T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chuyển 20 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 37 /2022/HSPT ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh B thành 20 tháng tù giam. Tổng hợp buộc bị cáo M chấp hành chung hình phạt cho cả hai bản án là 35 (Ba mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 02/6/2023 nhưng được trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2021 đến ngày 02/3/2022 của Bản án số 37. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 29/8/2023 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang T 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 02/6/2023. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 29/8/2023 để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì đựng mẫu vật ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư có dấu đỏ, chữ ký của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh theo kết luận giám định số 1158 ngày 04/6/2023.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu vàng có số seri C38R4DYGGRX2 tình trạng đã qua sử dụng và cong màn hình thu giữ của Nguyễn Văn M và 01 điện thoại di động Readmi C12 màu đỏ có số seri QOEU8D7PCM tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Quang T. (Theo biên bản bàn giao vật chứng số 134 ngày 01/8/2023 giữa Công an thị xã Quế Võ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh B).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được kết quả tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã Q;
- CQĐTCA thị xã Q;
- CCTHADS thị xã Q;
- Người tham gia tố tụng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Hồng

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Sức - Ngô Thùy Phương

Nguyễn Thị Thu Hồng

